TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 29-6-2018
V/v: Ly hôn giữa chị Q
và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu

Ông Phạm Tiến Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Kim Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2018/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 67/2018/QĐ-PT ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Như Q

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn T

Cùng cư trú tại: Đội 1, thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn K.

2. Bà Nguyễn Thị N.

3. Anh Nguyễn Túc Đ.

Cùng cư trú tại: Đội 10, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

4. Anh Đoàn Văn C; cư trú tại: Đội 6, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

5. Anh Nguyễn Ngọc U; cư trú tại: Đội 2, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

- *Người kháng cáo:* Anh Đoàn Văn T là bị đơn trong vụ án

Tại phiên tòa: Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Như Q trình bày: Chị và Anh Đoàn Văn T kết hôn do tự nguyện đã đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 11 năm 2012 tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, có lối sống, tính cách không hợp nhau. Từ đó vợ chồng thường xảy ra bất hòa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đoàn Minh Q- sinh ngày 13/8/2013. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Q và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là 01 nhà mái bằng xây năm 2015 trên diện tích đất 92,5m^2 đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC425118 ngày 14-12-2015 mang tên vợ chồng, chị có nguyện vọng được sử dụng nhà đất và chịu trách nhiệm trả chênh lệch tài sản cho anh T.

Chị và anh T đã thỏa thuận tự phân chia tài sản là đồ dùng hoạt trong gia đình nên không yêu cầu định giá cụ thể: Chị được sử dụng 01 kệ ti vi gỗ hương; 01 tủ gỗ đựng quần áo; 01 tủ nhựa; 01 gương to khung nhôm, 1 bình nóng lạnh 20 lít; 01 téc nước; 01 giường đôi gỗ xoan đào. Còn anh T được sử dụng còn 01 tủ lạnh pananonic 150 lít, 01 bộ bàn ghế kiểu Minh Trúc (bộ 6 món tay 10) gỗ hương; 01 giường gỗ pơ mu. Đồng thời vợ chồng có tham gia 01 phường vàng đã đóng được 06 chỉ, chị và anh T cũng đã thỏa thuận chị tiếp tục đóng phường và được quyền lấy phường, nhưng có trách nhiệm thanh toán cho anh T 03 chỉ vàng 9999.

Về nợ: Vợ chồng còn nợ của ông Nguyễn Văn U 03 cây vàng 9999; anh Nguyễn Văn Đ 44 triệu; bà Nguyễn Thị N 30 triệu, anh Đoàn Văn C 02 chỉ vàng 9999; ông Nguyễn Văn K 4,6 vạn gạch, trị giá 46.000.000đồng và nợ bà Nguyễn Thị N 05 chỉ vàng và 15 triệu đồng vay năm 2015 để mua đất.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án bị đơn Anh Đoàn Văn T trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn nhất trí như lời khai chị Q, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay chị Q xin ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên nhất trí.

Về con chung: Anh có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng.

Tài sản là nhà đất anh yêu cầu chia đôi, anh không có nhu cầu mua lại phần nhà đất của chị Q, bản thân anh cũng không bán phần nhà đất của anh.

Về nợ: Anh thừa nhận các khoản nợ như chị Q đã trình bày, nhưng đối với khoản nợ của bà N 05 chỉ vàng và 15 triệu đồng anh không biết nên anh không

chấp nhận trả nợ. Còn về 4,6 vạn gạch của ông K bố chị Q đã cho vợ chồng khi xây nhà, nên anh không nhất trí là nợ ông K. Ngoài ra, anh có vay của anh C 4.500.000đ để mua bộ bàn ghế, anh đề nghị xác định là nợ chung.

Quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu chị Q và anh T phải có trách nhiệm trả các khoản nợ như lời khai của chị Q.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2018/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh đã quyết định:

Áp dụng các Điều 55; 27; 33; 37; 38; 59; 60; khoản 1 Điều 81, các Điều 82, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật Dân sự.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Như Q và Anh Đoàn Văn T;

2. Về con chung: Giao cho chị Q được quyền nuôi con chung là Đoàn Minh Q - sinh ngày 13-8-2013. Buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ, thời gian tính từ tháng 5/2018 đến khi cháu trưởng thành; sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Giao cho chị Q được quản lý sử dụng đất 92,5m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh T, chị Q và được sở hữu ngôi nhà 01 tầng và các công trình xây dựng khác trên đất có tổng trị giá 632.007.500đồng. Chị Q phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Văn U 03 cây vàng 9999 = 110.370.000đ (một trăm mười triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng); anh Nguyễn Văn Đ 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng); bà Nguyễn Thị N 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), anh Đoàn Văn C 02 chỉ vàng 9999 = 7.358.000đ (bảy triệu ba trăm năm mươi tám ngàn đồng) và 4.500.000đ; ông Nguyễn Văn K 4,6 vạn gạch trị giá 46.000.000đồng (bốn mươi sáu triệu đồng), tổng nợ là 242.228.000 đồng. Chị Q có trách nhiệm trả chênh lệch tài sản cho Anh Đoàn Văn T 194.889.750đ (một trăm chín mươi tư triệu tám trăm tám mươi chín ngàn bảy trăm năm mươi đồng) và 03 chỉ vàng 9999, trị giá 11.037.000đồng.

Ngày 09-5-2018 Anh Đoàn Văn T là bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với bản án sơ thẩm vì đã giao cháu Đoàn Minh Q cho chị Q nuôi, buộc anh phải cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng, anh đề nghị được nuôi cháu Q không yêu cầu chị Q cấp dưỡng. Về tài sản, anh không đồng ý kết quả định giá xác định giá trị tài sản 632.007.500đ, không đồng ý giao nhà đất cho chị Q, anh xin được sử dụng nhà đất, chịu trách nhiệm trả các khoản nợ chung và thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Q. Về các khoản nợ anh không đồng ý trả nợ 4,6 vạn gạch cho ông K vì ông K không chứng minh được cho vợ chồng vay, về số nợ 30.000.000đ của bà N vợ chồng đã trả được 20.000.000đ, chứng minh bằng sổ ghi nợ có chữ viết của chị Q.

Tại cấp phúc thẩm vào ngày 28-6-2018 các đương sự đã tự lập biên bản thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Về con chung: Thống nhất giữ nguyên như quyết định của Bản án sơ thẩm. Về tài sản: Anh T có nghĩa vụ bàn

giao cho chị Q quyền sử dụng 92,5m^2 đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh T, chị Q cùng quyền sở hữu nhà và các công trình đã xây dựng trên đất đúng như hiện trạng đang sử dụng. Đồng thời, anh T có nghĩa vụ bàn giao mọi giấy tờ liên quan đến nhà đất (nêu trên) vào ngày 29-6-2018 (sau khi nhận đủ số tiền 236.000.000đ). Anh T có trách nhiệm ký giấy tờ, tạo mọi điều kiện để chị Q làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị Q và có trách nhiệm trả khoản nợ của anh Đoàn Văn C. Việc chia những tài sản đồ dùng sinh hoạt khác giữ nguyên như thoả thuận trước đây của vợ chồng. Chị Q có nghĩa vụ trả các khoản nợ chung của vợ chồng như Bản án sơ thẩm đã tuyên (Trừ khoản nợ của anh Đoàn Văn C) và có nghĩa vụ thanh toán cho anh T tổng cộng 236.000.000đ (đã bao gồm cả 3 chỉ vàng) vào ngày 29-6-2018. Kể từ ngày 29-6-2018 hai bên cam kết chấm dứt mọi tranh chấp có liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung: Các đương sự đã thoả thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án, việc thoả thuận là hoàn toàn tự nguyện, đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm theo sự thoả thuận của các đương sự.

XÉT THẤY:

Tại cấp phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, xét sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên được chấp nhận.

Do các đương sự đã tự nguyện thoả thuận trước khi xét xử phúc thẩm và đã tự nguyện thi hành xong mọi nghĩa vụ, chỉ đề nghị Toà án ghi nhận vào Bản án, nên xét miễn một phần án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015,

Sửa bản án sơ thẩm

Công nhận sự thoả thuận của các đương sự

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Như Q và Anh Đoàn Văn T;

2. Về con chung: Giao cho Chị Nguyễn Thị Như Q được quyền trực tiếp nuôi con chung là Đoàn Minh Q - sinh ngày 13/8/2013 cho đến khi cháu Q đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Anh Đoàn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ, tính từ tháng 5/2018 cho đến khi cháu Đoàn Minh Q đủ tuổi trưởng thành. Anh Đoàn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con;

3. Về tài sản: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc, giao cho Chị Nguyễn Thị Như Q được quyền sử dụng 92,5m^2 đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh T, chị Q và được quyền sở hữu ngôi nhà 01 tầng cùng toàn bộ các công trình xây dựng trên đất có tổng trị giá 632.007.500đồng. Chị Nguyễn Thị Như Q có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Văn U 03 cây vàng 9999 = 110.370.000đ (Một trăm mười triệu ba trăm bẩy mươi ngàn đồng); anh Nguyễn Văn Đ 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng); bà Nguyễn Thị N 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); ông Nguyễn Văn K 4,6 vạn gạch, trị giá 46.000.000đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng);

Chị Nguyễn Thị Như Q có nghĩa vụ thanh toán cho Anh Đoàn Văn T tổng cộng là 236.000.000đ (Hai trăm ba mươi sáu triệu đồng) vào ngày 29-6-2018 (Đã bao gồm cả 03 chỉ vàng và đã thanh toán xong);

Anh Đoàn Văn T có nghĩa vụ trả nợ anh Đoàn Văn C 02 chỉ vàng 9999 = 7.358.000đ (Bẩy triệu ba trăm năm mươi tám ngàn đồng) và 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng);

Anh Đoàn Văn T có nghĩa vụ bàn giao cho Chị Nguyễn Thị Như Q quyền sử dụng 92,5m^2 đất cùng quyền sở hữu nhà, các công trình xây dựng trên đất đúng như hiện trạng đang sử dụng, đồng thời có nghĩa vụ bàn giao mọi giấy tờ liên quan đến nhà đất (nêu trên) vào ngày 29-6-2018 (Sau khi đã nhận đủ số tiền 236.000.000đ) và có trách nhiệm ký giấy tờ, tạo mọi điều kiện để Chị Nguyễn Thị Như Q làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Chị Nguyễn Thị Như Q;

4. Việc chia những tài sản đồ dùng sinh hoạt khác giữ nguyên như thoả thuận trước đây của vợ chồng;

Kể từ ngày 29-6-2018 hai bên cam kết chấm dứt mọi tranh chấp có liên quan;

Chị Nguyễn Thị Như Q có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án.

5. Về án phí: Căn cứ vào các khoản 2, 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chị Nguyễn Thị Như Q phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản là 4.744.000đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ chị Q đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000999 ngày 06-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh. Chị Q còn phải nộp 4.744.000đồng (Bốn triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn đồng);

Anh Đoàn Văn T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ; án phí chia tài sản là 4.744.000đồng, được đối trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh T đã nộp tại Biên lai thu tiền số 04760 ngày 15-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh. Anh T còn phải nộp 4.744.000đồng (Bốn triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn đồng);

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THA huyện Trực Ninh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Bạch Tuyết